FireAnt

Tổng CTCP Xây dựng điện Việt Nam (HSX: VNE)

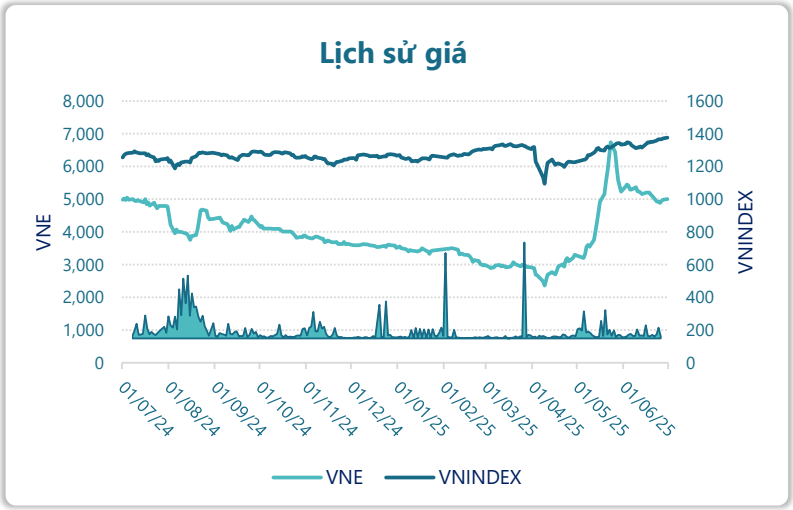

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**5,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	6,740
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	2,360
SL cổ phiếu LH	82,055,233
KLGD BQ 20 phiên (CP)	364,960
% sở hữu nước ngoài	1.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	410
P/E	-1.7
EPS	-2,923

DT thuần

Q2/25

76.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 10.3| 15.6%

YoY: ▼70.8| -48.2%

LN sau thuế

Q2/25

-81.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▼57.8| -246%

YoY: ▼8.90| -12.3%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

-57.6%

+/- YoY: ▼ 55.6%

DT thuần

6T 2025

142

tỷ VNĐ

YoY: ▼170| -54.4%

LN sau thuế

6T 2025

-105

tỷ VNĐ

YoY: ▼34.1| -47.8%

ROE

Q2/25

-30.9%

+/- YoY: ▼ 24.8%

Kết quả kinh doanh

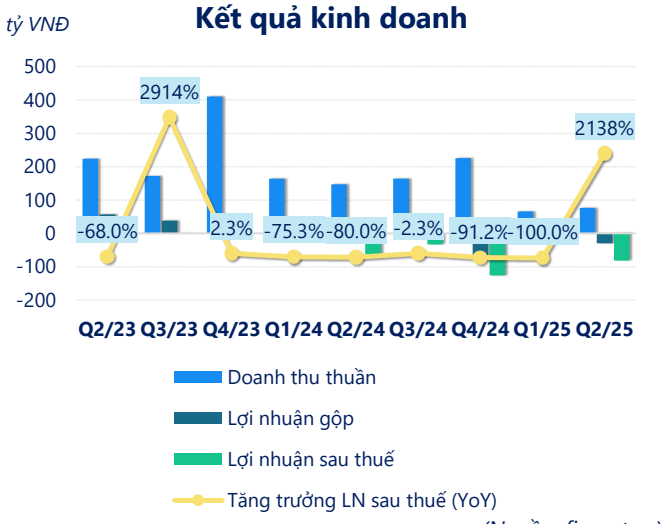

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

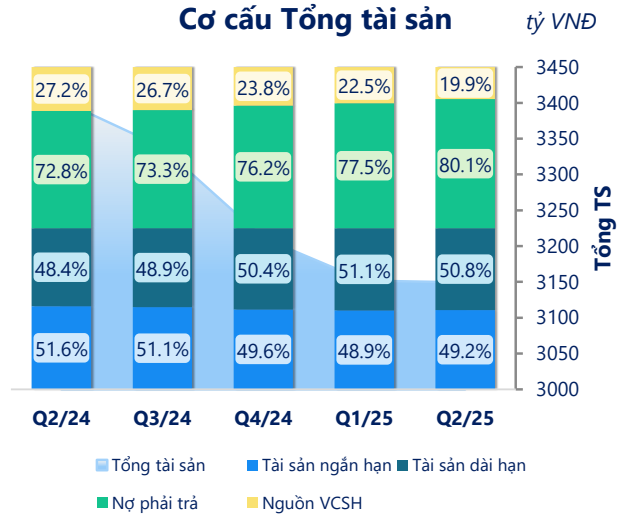

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

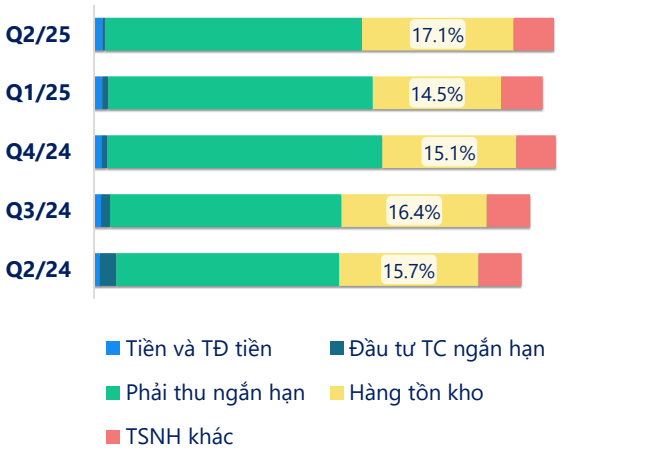

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

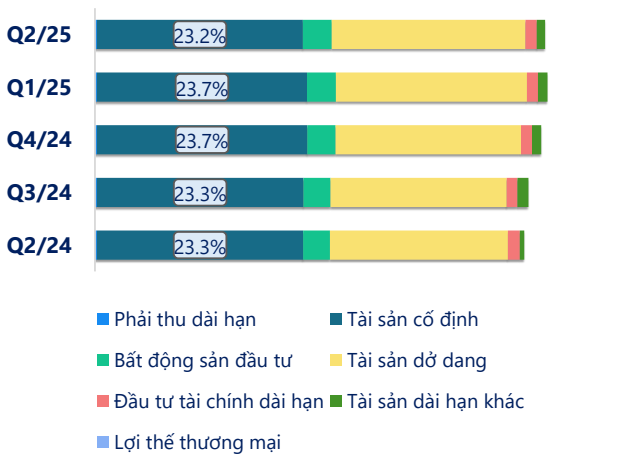

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

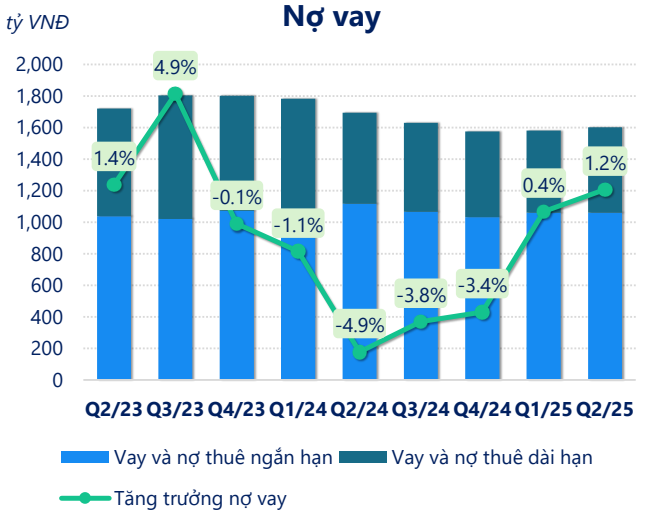

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

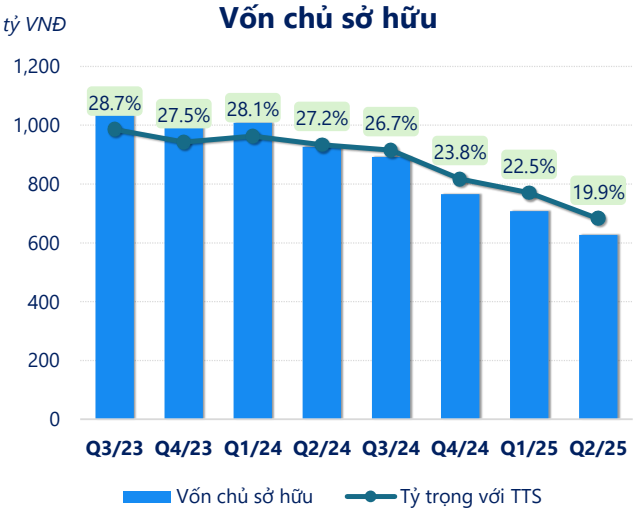

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

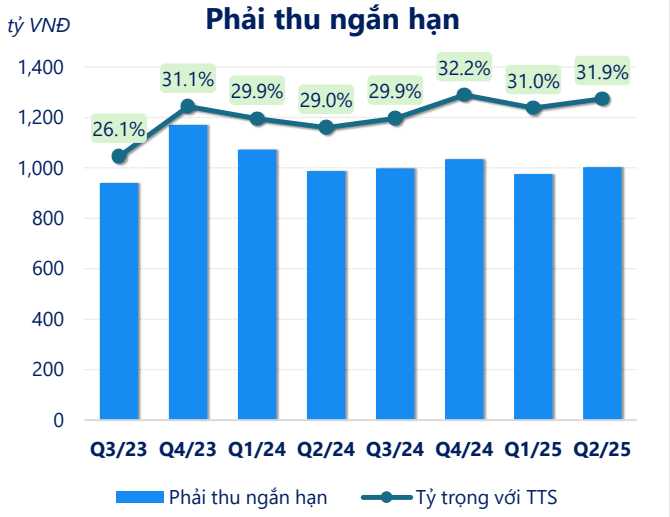

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

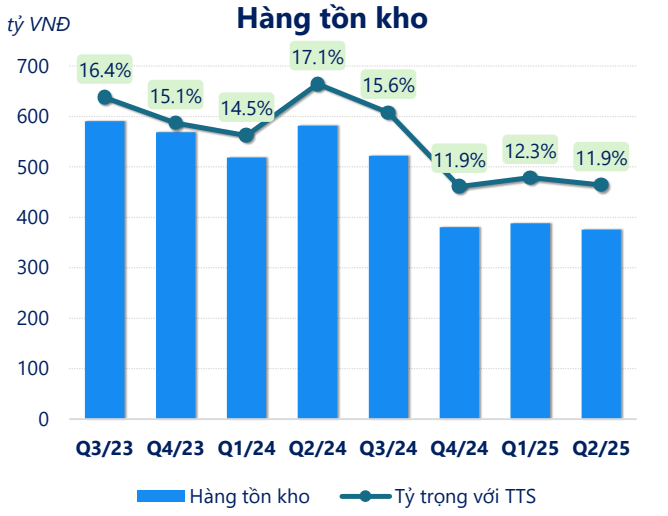

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

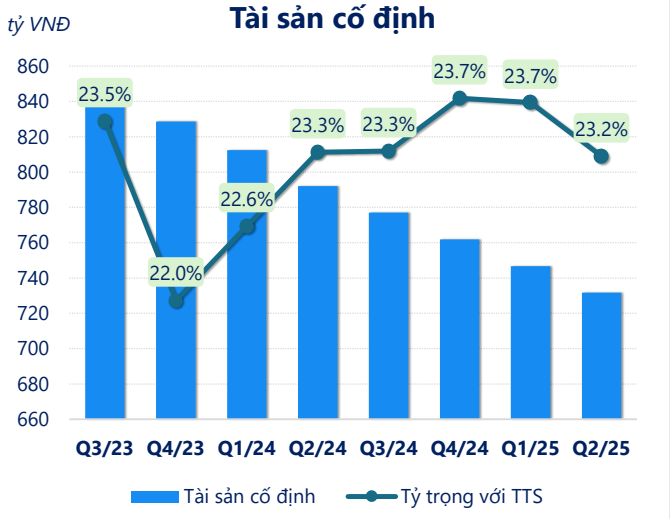

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

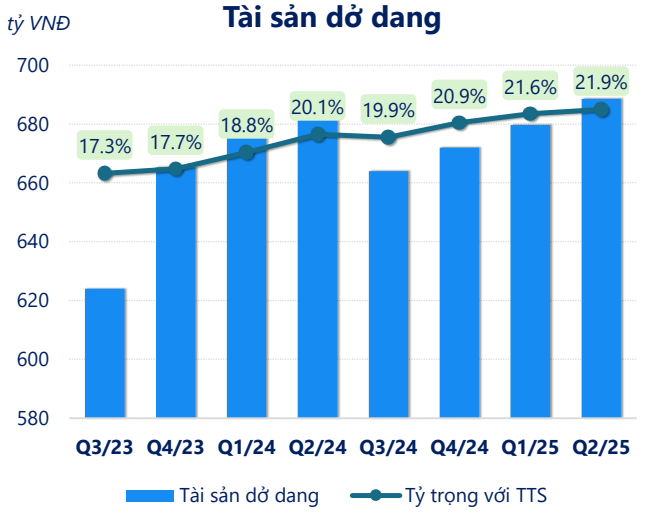

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

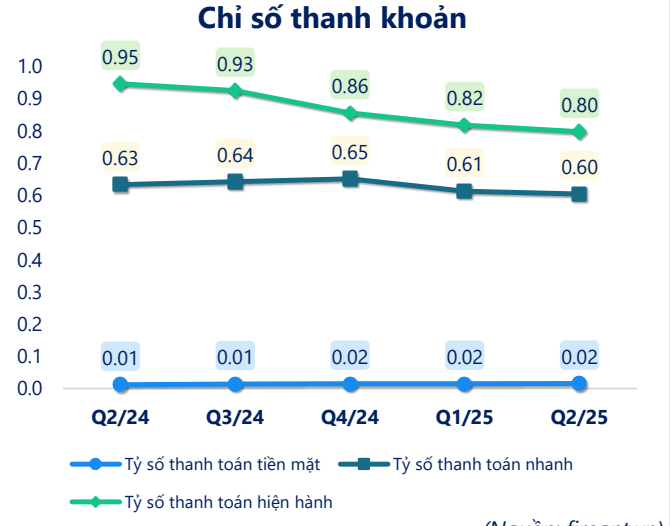

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

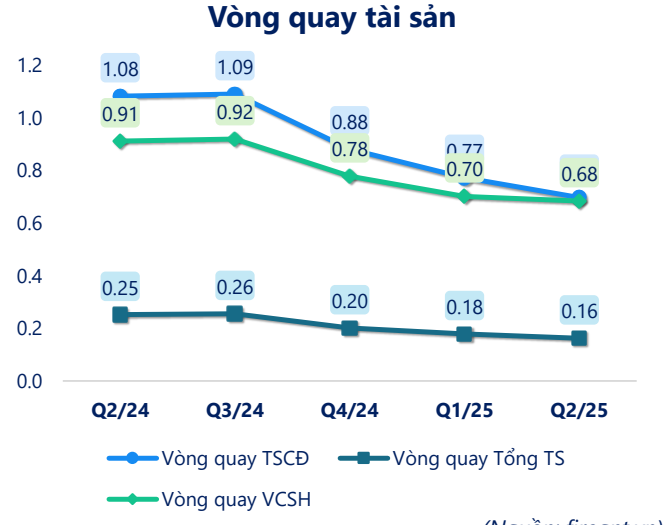

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**3,403**	**3,338**	**3,211**	**3,152**	**3,149**
Tài sản ngắn hạn	**1,755**	**1,706**	**1,594**	**1,543**	**1,550**
Tiền và tương đương tiền	21.6	26.0	28.1	28.6	30.2
Đầu tư tài chính ngắn hạn	9.52	10.1	9.12	9.12	0.00
Phải thu ngắn hạn	987	998	1,035	975	1,003
Hàng tồn kho	582	522	381	388	376
Tài sản ngắn hạn khác	156	150	141	141	141
Tài sản dài hạn	**1,648**	**1,632**	**1,617**	**1,609**	**1,599**
Phải thu dài hạn	7.69	7.74	7.27	7.27	7.27
Tài sản cố định	792	777	762	747	732
Bất động sản đầu tư	102	102	102	102	102
Tài sản dở dang	684	664	672	680	689
Đầu tư tài chính dài hạn	45.3	40.0	39.7	39.8	39.6
Tài sản dài hạn khác	16.7	41.0	34.2	33.3	29.9
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**2,477**	**2,446**	**2,445**	**2,444**	**2,523**
Nợ ngắn hạn	**1,855**	**1,844**	**1,863**	**1,885**	**1,944**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,117	1,066	1,031	1,060	1,060
Phải trả người bán ngắn hạn	282	322	363	341	365
Nợ dài hạn	622	602	582	558	579
Vay và nợ thuê dài hạn	577	564	543	521	541
Nguồn vốn chủ sở hữu	**927**	**892**	**766**	**708**	**627**
Vốn chủ sở hữu	**927**	**892**	**766**	**708**	**627**
Vốn điều lệ	904	904	904	904	904
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)